**Usecase tổng quát**

**A diagram of a company

Description automatically generated**

**Class**

**A diagram of a data flow

Description automatically generated**

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case: UC001\_Đăng nhập** | |
| **Mục đích:** Use case thực hiện cho phép người dùng đăng nhập vào hệ thống bằng tài khoản mật khẩu đã có | |
| **Mô tả:** Người dùng thực hiện nhập tài khoản và mật khẩu đã đăng kí để đăng nhập vào hệ thống | |
| **Tác nhân:** Nhân viên bán hàng, nhân viên quản lý | |
| **Điều kiện trước:** Đã có mật khẩu và tài khoản | |
| **Điều kiện sau**:Nếu đăng nhập thành công thì người dùng đã đăng nhập sẽ vào được hệ thống và có thể sử dụng các chức năng theo loại tài khoản đã phân quyền trên hệ thống | |
| **Luồng sự kiện chính (Basic flows)** | |
| Người dùng | Hệ thống |
| 1. Người dùng nhập tài khoản và mật khẩu. |  |
| 2. Người dùng ấn vào nút đăng nhập. |  |
|  | 3. Hệ thống hiển thị giao diện chính. |
| **Luồng sự kiện phụ (Alternative Flows)** | |
|  | 3.1 Nếu người dùng nhập sai tài khoản và mật khẩu thì thông báo không tìm thấy tài khoản hoặc mật khẩu không đúng. |
| 3.1.1 Người dùng xác nhận, quay lại bước 1 |  |

*Activity Diagram:*

*A diagram of a diagram

Description automatically generated*

*Sequence Diagram:*

A diagram of a diagram

Description automatically generated

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case: UC002\_Đổi mật khẩu** | |
| Mục đích: Use case thực hiện cho phép người dùng đổi mật khẩu đăng nhập vào hệ thống. | |
| Mô tả: Người dùng thực hiện đổi mật khẩu đã đăng kí để đăng nhập vào hệ thống. | |
| Tác nhân: Nhân viên, nhân viên quản lý. | |
| Điều kiện trước: Đã có tài khoản, đã đăng nhập vào hệ thống và chọn chức năng đổi mật khẩu. | |
| Điều kiện sau: Mật khẩu sau khi được thay đổi sẽ dùng cho lần đăng nhập kế tiếp vào hệ thống. và vẫn giữ nguyên phân quyền. | |
| **Luồng sự kiện chính (Basic flows)** | |
| Người dùng | Hệ thống |
| 1. Chọn chức năng đổi mật khẩu |  |
|  | 2. Hiển thị giao diện đổi mật khẩu |
| 3. Nhập mật khẩu cũ, nhập mật khẩu mới và xác nhận mật khẩu mới |  |
| 4. Nhấn nút xác nhận |  |
|  | 5. Thông báo đổi mật khẩu mới thành công |
| **Luồng sự kiện phụ (Alternative Flows):** | |
| Người dùng | Hệ thống |
| 4.1 Người dùng nhập sai ràng buộc hoặc mật khẩu nhập lại không khớp |  |
|  | 4.1.1 Hệ thống thông báo sai ràng buộc hoặc mật khẩu nhập lại không khớp |
| 4.1.2 Người dúng xác nhận và quay lại bước 3 |  |
|  |  |
| 4.2 Người dùng nhập sai mật khẩu cũ |  |
|  | 4.2.1 Hệ thống thông báo mật khẩu cũ không chính xác |
| 4.2.2 Người dúng xác nhận và quay lại bước 3 |  |

*Activity Diagram:*

*A diagram of a company

Description automatically generated*

*Sequence Diagram:*

A diagram of a diagram

Description automatically generated

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case: UC003\_Thêm nhân viên** | |
| Mục đích: Use case cho phép nhân viên quản lý thêm mới một nhân viên vào hệ thống | |
| Mô tả: Nhân viên quản lí sẽ thêm mới một nhân viên và thông tin của nhân viên đó vào hệ thống | |
| Tác nhân: Nhân viên quản lý | |
| Điều kiện trước: Nhân viên quản lý đã đăng nhập thành công vào hệ thống, đã có thông tin của nhân viên mới, chọn chức năng thêm nhân viên | |
| Điều kiện sau: Thông tin của nhân viên mới được thêm vào thành công sẽ được lưu trên hệ thống | |
| **Luồng sự kiện chính (Basic flows)** | |
| Nhân viên quản lý | Hệ thống |
| 1. Chọn chức năng quản lý nhân viên |  |
|  | 2. Hiển thị giao diện quản lý nhân viên |
| 3. Chọn chức năng thêm nhân viên |  |
|  | 4. Cho phép nhập thông tin nhân viên mới |
| 5. Nhập thông tin nhân viên mới |  |
| 6. Chọn xác nhận |  |
|  | 7. Thông báo thêm nhân viên thành công |
| 8. Xác nhận |  |
| **Luồng sự kiện phụ (Alternative Flows):** | |
| Nhân viên quản lý | Hệ thống |
| 5.1 Chọn hủy |  |
|  | 5.1.1 Kết thúc việc thêm nhân viên mới |
|  | 7.1 Thông báo sai ràng buộc nếu nhập sai ràng buộc |
| 7.1.1 Nhân viên quản lí xác nhận, quay lại bước 5 |  |

*Activity Diagram*

*A diagram of a flowchart

Description automatically generated*

*Sequence Diagram*

*A diagram of a diagram

Description automatically generated*

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case: UC004\_Cập nhật nhân viên** | |
| **Mục đích:** Use case cho phép nhân viên quản lý sửa thông tin nhân viên trên hệ thống. | |
| **Mô tả:** Nhân viên quản lý thực hiện cập nhật 1 nhân viên bằng cách nhập mã nhân viên của nhân viên đó để tìm kiếm thông tin nhân viên trên hệ thống là thực hiện thao tác sửa | |
| **Tác nhân:** Nhân viên quản lý, nhân viên hành chính | |
| **Điều kiện trước:** Có thông tin của nhân viên cần sửa trên hệ thống | |
| **Điều kiện sau:** Sau khi sửa xong thì nhân viên quản lý phải bấm lưu để lưu lại thông tin vừa sửa | |
| **Luồng sự kiện chính:** | |
| **Người dùng** | **Hệ thống** |
| 1. Nhập mã nhân viên cần cập nhật |  |
| 1. Bấm tìm kiếm để tìm kiếm thông tin nhân viên |  |
|  | 1. Hiển thị màn hình thông tin nhân viên tìm thấy |
| 1. Sửa thông tin nhân viên |  |
| 1. Chọn “Lưu” |  |
|  | 1. Thông báo cập nhật thành công |
| 1. Xác nhận |  |
| **Luồng sự kiện phụ:** | |
|  | 3.1 Thông báo không tìm thấy nhân viên và quay lại bước 1 |

*Activity diagram*

*A diagram of a flowchart

Description automatically generated*

*Sequence diagram*

**A diagram of a diagram

Description automatically generated**

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case: UC005\_Sa thải nhân viên** | |
| **Mục đích:** Use case cho phép nhân viên quản lý xóa thông tin nhân viên trên hệ thống. | |
| **Mô tả:** Nhân viên quản lý thực hiện xóat 1 nhân viên bằng cách nhập mã nhân viên của nhân viên đó để tìm kiếm thông tin nhân viên trên hệ thống là thực hiện thao tác xóa | |
| **Tác nhân:** Nhân viên quản lý, nhân viên hành chính | |
| **Điều kiện trước:** Có thông tin của nhân viên cần xóa trên hệ thống | |
| **Điều kiện sau:** Sau khi xóa thì phải bấm lưu để thông tin của nhân viên cần xóa mất đi trên hệ thống | |
| **Luồng sự kiện chính:** | |
| **Người dùng** | **Hệ thống** |
| 1. Nhập mã nhân viên cần sa thải |  |
| 1. Bấm tìm kiếm để tìm kiếm thông tin nhân viên |  |
|  | 1. Hiển thị màn hình thông tin nhân viên cần sa thải |
| 1. Bấm sa thải |  |
|  | 1. Hiển thị thông báo xác nhận |
| 1. Chọn “Yes” |  |
|  | 1. Thông báo sa thải thành công |
| 1. Xác nhận |  |
| **Luồng sự kiện phụ:** | |
|  | * 1. Thông báo không tìm thấy nhân viên |
|  | * 1. Quay lại bước 1 |
| 6.1 Chọn “No” |  |
|  | 6.2 Quay lại bước 3 |

*Activity diagram*

*A diagram with blue text and black text

Description automatically generated with medium confidence*

*Sequence diagram*

**A diagram of a flowchart

Description automatically generated**

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case: UC015\_Chấm công nhân viên** | |
| Mục đích: Usecase thực hiện cho phép người dùng có thể chấm công cho nhân viên hành chính theo ngày | |
| Mô tả: Người dùng thực hiện chấm giờ đến và giờ về của nhân viên hành chính, ngoài ra còn cho phép nhập thêm số giờ làm thêm | |
| Tác nhân: Nhân viên quản lý | |
| Điều kiện trước: Người dùng phải đăng nhập vào hệ thống, chọn chức năng chấm công trong menu đối tượng nhân viên | |
| Điều kiện sau: Cập nhật lại danh sách chấm công, cập nhật lại danh sách nhân viên chưa được chấm công theo ca làm vào ngày được chọn. Nếu chấm công thành công hệ thống sẽ thông báo hành công, ngược lại hệ thống thông báo thất bại | |
| **Luồng sự kiện chính (Basic flows)** | |
| **Nhân viên quản lý** | **Hệ thống** |
| 1. Chọn ngày chấm công |  |
|  | 2. Kiểm tra ngày được chọn |
| 3. Chọn “Lấy danh sách” |  |
|  | 4. Hiển thị danh sách nhân viên chưa được chấm công theo ngày được chọn |
| 5. Chọn nhân viên cần chấm công |  |
| 6. Chọn “Lưu” |  |
|  | 7. Kiểm tra thông tin chấm công |
|  | 8. Thông báo chấm công thành công |
|  | 9. Xóa nhân viên khỏi danh sách chưa chấm công |
| **Luồng sự kiện phụ (Alternative Flows):** | |
|  | 2.1 Thông báo ngày chấm công phải là ngày hiện tại hoặc trước đó |
|  | 2.1.1 Đưa ngày chấm công vè ngày hiện tại |

*Activity diagram*

***A diagram of a flowchart

Description automatically generated***

*Sequence diagram*

A diagram of a diagram

Description automatically generated

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case: UC020\_Tính lương nhân viên** | |
| **Mục đích:** Use case cho phép nhân viên quản lý tính lương nhân viên của công ty trên hệ thống | |
| **Mô tả:** Nhân viên quản lý thực hiện tính lương nhân viên công ty bằng công thức tính lương của công ty đã quy định | |
| **Tác nhân:** Nhân viên quản lý | |
| **Điều kiện trước:** Có thông tin chấm công của nhân viên trên hệ thống | |
| **Điều kiện sau:** Sau khi tính lương nhân viên xong thì nhân viên quản lý phải bấm nút xuất bảng lương để lưu bảng lương vào mục bảng lương nhân viên hàng tháng. | |
| **Luồng sự kiện chính:** | |
| Người dùng | Hệ thống |
| 1. Chọn chức năng tính lương nhân viên |  |
|  | 1. Hiển thị GD tính lương cho nhân viên |
| 1. Chọn tính lương |  |
|  | 1. Hệ thống tính lương của nhân viên |
|  | 1. Hiển thị danh sách lương của các nhân viên sau khi tính |
| **Luồng sự kiện phụ** | |

*Activity diagram*

*A diagram of a diagram

Description automatically generated with medium confidence*

*Sequence diagram*

*A diagram of a diagram

Description automatically generated*

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case: UC026\_Tìm kiếm nhân viên** | |
| Mục đích: Use case cho phép người dùng tìm kiếm một nhân viên trong hệ thống | |
| Mô tả: Người dùng tìm một nhân viên và thông tin của nhân viên đó trong hệ thống | |
| Tác nhân: Nhân viên, nhân viên quản lý | |
| Điều kiện trước: Người dùng có thông tin của nhân viên, đã đăng nhập vào hệ thống và chọn chức năng tìm nhân viên, nhập thông tin của nhân viên cần tìm kiếm | |
| Điều kiện sau: Nếu tìm được thì hiển thị thông tin của nhân viên trên màn hình giao diện | |
| **Luồng sự kiện chính (Basic flows)** | |
| Người dùng | Hệ thống |
| 1.Chọn chức năng quản lý nhân viên |  |
|  | 2. Hiển thị giao diện tìm kiếm nhân viên |
| 3.Nhập các thông tin về nhân viên cần tìm |  |
| 4.Nhấn nút tìm kiếm |  |
|  | 5. Hiển thị danh sách các nhân viên khớp với các thông tin tìm kiếm |
| Luồng sự kiện phụ (Alternative Flows): (không có) | |
|  |  |

*Activity Diagram:*

*A diagram with blue rectangles and black text

Description automatically generated*

*Sequence Diagram:*

*A diagram of a diagram

Description automatically generated*